

Số: 2870 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 16 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP, ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND, ngày 03 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh ban hành quy chế công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 49/TTr-SCT ngày 15 tháng 9 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như sau:

- Công bố mới 17 (mười bảy) TTHC thuộc lĩnh vực Công Thương (có Danh mục kèm theo).

- Bãi bỏ 05 thủ tục lĩnh vực Thương mại được công bố tại Quyết định 1820B/QĐ-UBND, ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Chủ tịch UBND tỉnh (có Danh mục TTHC kèm theo).

Điều 2. Trên cơ sở nội dung được công bố tại Quyết định này, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức niêm yết, áp dụng thực hiện TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các TTHC, hoặc các bộ phận tạo thành TTHC được công bố tại Quyết định này có hiệu lực theo ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC hoặc bộ phận tạo thành TTHC có hiệu lực thi hành.

Trong trường hợp nội dung của các TTHC được công bố tại Quyết định này có cách hiểu khác, hoặc không thống nhất với nội dung của TTHC được quy định

tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì áp dụng nội dung được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp; Sở Công Thương;
- UBND các huyện, tx, tp);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, CN, TCTM, NC (N_32)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Cảnh

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC
CÔNG THƯƠNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **2870** /QĐ-UBND ngày **16/10/2017**
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

A. DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (4 thủ tục)	
1	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
2	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần bị rách, nát hoặc bị cháy
3	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá do hết thời hạn hiệu lực
4	Cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
II. Lĩnh vực Công nghiệp thực phẩm (12 thủ tục)	
1	Cấp giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu
2	Cấp lại giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần bị rách, nát hoặc bị cháy
3	Cấp lại giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do hết thời hạn hiệu lực
4	Cấp sửa đổi bổ sung giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu
5	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
6	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh do hết thời hạn hiệu lực
7	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ, hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
9	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ
10	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực
11	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng

12	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất
III. Lĩnh vực Khuyến công (1 thủ tục)	
1	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

Stt	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Được công bố tại Quyết định	Ghi chú
1	Cấp giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) rượu	1820B/QĐ-UBND ngày 16/7/2009 của UBND tỉnh	Các TTHC không còn phù hợp so với các quy định hiện hành
2	Cấp giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) thuốc lá		
3	Cấp Giấy phép kinh doanh sản xuất rượu thủ công cho làng nghề		
4	Xác nhận đủ điều kiện đăng ký kinh doanh xăng dầu		
5	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh		

PHẦN II : CHI TIẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH Ở LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

A. Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng

1. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Thương nhân chuẩn bị và nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định. (Bản sao có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công văn hành chính; bản sao chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp).

Bước 2: Nộp hồ sơ:

Trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Công chức lập và giao biên nhận hồ sơ và ngày trả kết quả, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bằng phiếu hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công chức tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ xử lý theo quy định. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận, bộ phận chuyên môn kiểm tra và yêu cầu bổ sung.

Bước 3: Đến ngày nhận kết quả được ghi trên giấy hẹn nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Thời gian tiếp nhận và trả hồ sơ buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00, vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày lễ, tết).

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc nộp hồ sơ qua đường bưu điện.

c) Thành phần hồ sơ: Quy định tại Khoản 3 Điều 27 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ

Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

Hồ sơ về địa điểm kinh doanh, gồm có:

Địa chỉ, diện tích và mô tả khu vực kinh doanh thuốc lá;

Bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);

Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá.

Số lượng hồ sơ: 02 bộ, 01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, thương nhân lưu 01 bộ.

d) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 28 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh - gọi chung là Phòng Công Thương)

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

g) Phí:

Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:

Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hóa hạn chế kinh doanh là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.

Theo quy định tại Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

h) Tên mẫu đơn: Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
Theo mẫu Phụ lục 23 kèm theo Thông tư 21/2013/TT-BCT ngày 25/09/2013 của Bộ Công Thương.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Quy định tại Khoản 3 Điều 26 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ

Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m² trở lên;

Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá ngày 18/6/2012

Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

Thông tư 21/2013/TT-BCT ngày 25/09/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính, về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Phụ lục 23

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT
ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)*

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: UBND huyện (quận)(1)

1. Tên thương nhân:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....

4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngàytháng..... năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị UBND huyện (quận)(1) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(2)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(3)

.....(ghi rõ tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên huyện (quận) nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

2. Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần bị rách, nát hoặc bị cháy

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Thương nhân chuẩn bị và nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định. (Bản sao có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công văn hành chính; bản sao chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp).

Bước 2: Nộp hồ sơ:

Trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Công chức lập và giao biên nhận hồ sơ và ngày trả kết quả, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bằng phiếu hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công chức tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ xử lý theo quy định. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận, bộ phận chuyên môn kiểm tra và yêu cầu bổ sung.

Bước 3: Đến ngày nhận kết quả được ghi trên giấy hẹn nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc gửi kết quả theo đường bưu điện.

Thời gian tiếp nhận và trả hồ sơ buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00, vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày lễ, tết).

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Nộp hồ sơ qua đường bưu điện.

c) Thành phần hồ sơ: Quy định tại Khoản 2 Điều 39 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ.

Văn bản đề nghị cấp lại;

Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 39 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh - gọi chung là Phòng Công Thương)

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

g) Phí:

Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:

Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hóa hạn chế kinh doanh là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.

Theo quy định tại Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

h) Tên mẫu đơn: Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

Theo mẫu Phụ lục 56 kèm theo Thông tư 21/2013/TT-BCT ngày 25/09/2013 của Bộ Công Thương.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Quy định tại Khoản 3 Điều 26 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ

Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m² trở lên;

Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá ngày 18/6/2012

Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

Thông tư 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính, về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Phụ lục 56

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT
ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)*

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: UBND huyện (quận).....(1)

1. Tên thương nhân:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được UBND huyện (quận).....(1)..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....
7. Đã được UBND huyện (quận).....(1).....cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho..... (nếu có).
- 8....(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị UBND huyện (quận).....(1).....

xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do(2).....
.....(ghi rõ tên thương nhận)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân xin cấp phép

(2): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

3. Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá do hết thời hạn hiệu lực:

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Thương nhân chuẩn bị và nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định. (Bản sao có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công văn hành chính; bản sao chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp).

Bước 2: Nộp hồ sơ:

Trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Công chức lập và giao biên nhận hồ sơ và ngày trả kết quả, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bằng phiếu hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công chức tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ xử lý theo quy định. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận, bộ phận chuyên môn kiểm tra và yêu cầu bổ sung.

Bước 3: Đến ngày nhận kết quả được ghi trên giấy hẹn nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Thời gian tiếp nhận và trả hồ sơ buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00, vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày lễ, tết)

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc nộp hồ sơ qua đường bưu điện.

c) Thành phần hồ sơ: Tại Khoản 3 Điều 27 và khoản 1 điều 39 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

Hồ sơ về địa điểm kinh doanh, gồm có:

Địa chỉ, diện tích và mô tả khu vực kinh doanh thuốc lá;

Bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm);

Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá.

Số lượng hồ sơ: 02 bộ, 01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, thương nhân lưu 01 bộ.

d) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 39 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh - gọi chung là Phòng Công Thương)

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

g) Mức thu phí:

Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:

Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hóa hạn chế kinh doanh là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.

Theo quy định tại Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

h) Tên mẫu đơn: Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

Theo mẫu Phụ lục 23 kèm theo Thông tư 21/2013/TT-BCT ngày 25/09/2013 của Bộ Công Thương.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Quy định tại Khoản 3 Điều 26 và khoản 1 điều 39 của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ

Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh;

Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m² trở lên;

Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá ngày 18/6/2012.

Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

Thông tư 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính, về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Phụ lục 23

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT
ngày 25/9/ 2013 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /... , ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: UBND huyện (quận)(1)

1. Tên thương nhân:.....;
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngàytháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
- Tên:;
- Địa chỉ:;
- Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị UBND huyện (quận)(1) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(2)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(3)

.....(ghi rõ tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Ghi rõ tên huyện (quận) nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.
- (2): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

4. Cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Thương nhân chuẩn bị và nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định. (Bản sao có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công văn hành chính; bản sao chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp).

Bước 2: Nộp hồ sơ:

Trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Công chức lập và giao biên nhận hồ sơ và ngày trả kết quả, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bằng phiếu hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công chức tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ xử lý theo quy định. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận, bộ phận chuyên môn kiểm tra và yêu cầu bổ sung.

Bước 3: Đến ngày nhận kết quả được ghi trên giấy hẹn nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc gửi kết quả theo đường bưu điện.

Thời gian tiếp nhận và trả hồ sơ buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00, vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày lễ, tết).

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Nộp hồ sơ qua đường bưu điện.

c) Thành phần hồ sơ: Quy định tại Khoản 2 Điều 38 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ :

Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;

Bản sao Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá đã được cấp;

Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 38 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh - gọi chung là Phòng Công Thương)

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

g) Phí:

Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:

Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hóa hạn chế kinh doanh là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.

Theo quy định tại Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

h) Tên mẫu đơn: Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

Theo mẫu Phụ lục 50 kèm theo Thông tư 21/2013/TT-BCT ngày 25/09/2013 của

Bộ Công Thương.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Quy định tại Khoản 3 Điều 26 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ

Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

Diện tích điểm kinh doanh dành cho thuốc lá tối thiểu phải có từ 03 m² trở lên;

Có văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá;

Phù hợp với Quy hoạch hệ thống mạng lưới mua bán sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá ngày 18/6/2012

Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

Thông tư 21/2013/TT-BCT ngày 25/09/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính, về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Phụ lục 50

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2013/TT-BCT
ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương)*

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: UBND huyện (quận).....

1. Tên thương nhân :
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)... số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày..... tháng.....năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
+ Tên:

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được UBND huyện (quận) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....

Đã được UBND huyện (quận) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày thángnăm(nếu đã có)

.....(1)....

...(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị UBND huyện (quận) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung đề doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

2. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(2)

- Đề tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm(3)

3. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

- Thông tin cũ:.....

- Thông tin mới:.....(3)

b) Đề nghị bổ sung:

.....(4)

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(4): Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

B. Lĩnh vực Công nghiệp thực phẩm

1. Cấp giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu:

a) Trình tự thực hiện:

Thương nhân chuẩn bị và nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định (Bản sao có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công văn hành chính; bản sao chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp).

Bước 2: Nộp hồ sơ:

Trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Công chức lập và giao biên nhận hồ sơ và ngày trả kết quả, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bằng phiếu hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công chức tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ xử lý theo quy định. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận, bộ phận chuyên môn kiểm tra và yêu cầu bổ sung.

Bước 3: Đến ngày nhận kết quả được ghi trên giấy hẹn, thương nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc gửi kết quả theo đường bưu điện.

Thời gian tiếp nhận và trả hồ sơ buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00, vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày lễ, tết).

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00, vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày lễ, tết).

Nộp hồ sơ qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo Điều 12 Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công thương:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu theo mẫu tại Phụ lục 31 kèm theo Thông tư này.

Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế.

Bản cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình.

Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu (trong đó ghi rõ loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh).

Bản sao Giấy chứng nhận công bố hợp quy hoặc Giấy chứng nhận tiêu chuẩn các loại sản phẩm rượu của thương nhân dự kiến kinh doanh.

Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

Số lượng hồ sơ: 02 bộ, 01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại doanh nghiệp (Theo Điều 12 Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014)

d) Thời gian giải quyết: Theo Khoản 5, Điều 18 Nghị định số 94/2012/NĐ-CP của Chính phủ

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh - gọi chung là Phòng Công Thương)

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

g) Phí:

Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:

Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hóa hạn chế kinh doanh là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.

Theo quy định tại Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

h) Tên mẫu đơn: Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Theo mẫu tại Phụ lục 31 của Thông tư số 60/2014/TT-BCT)

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Được quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh rượu:

Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

Trực thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu;

Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

Có bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

Phù hợp với quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế công bố;

Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định và Nghị định 94/2010/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh rượu, quy định về số lượng Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu dựa trên dân số của huyện được Phòng Công Thương hoặc phòng Kinh tế hạ tầng trên địa bàn huyện công bố trước ngày 31 tháng 12 hàng năm và được cấp phép theo thứ tự ưu tiên cho các thương nhân xin cấp lại giấy phép do hết hạn nếu bảo đảm điều kiện theo quy định và không vi phạm pháp luật.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Thương mại Số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Nghị định 94/2010/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh rượu;

Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh rượu.

Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính, về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Phụ lục 31

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT
ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi: Phòng⁽¹⁾

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu, cụ thể như sau:

1. Được phép mua:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽²⁾.... của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:
.....⁽³⁾

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽²⁾.... của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:
.....⁽³⁾

2. Được phép bán:

Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại địa điểm:

.....⁽⁴⁾

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽³⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu. ⁽⁴⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

2. Cấp lại giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu trong trường hợp do bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần bị rách, nát hoặc bị cháy.

a) Trình tự thực hiện:

Thương nhân chuẩn bị và nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định (Bản sao có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công văn hành chính; bản sao chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp).

Bước 2: Nộp hồ sơ:

Trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Công chức lập và giao biên nhận hồ sơ và ngày trả kết quả, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bằng phiếu hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công chức tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ xử lý theo quy định. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận, bộ phận chuyên môn kiểm tra và yêu cầu bổ sung.

Bước 3: Đến ngày nhận kết quả được ghi trên giấy hẹn, thương nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc gửi kết quả theo đường bưu điện.

Thời gian tiếp nhận và trả hồ sơ buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00, vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày lễ, tết).

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương, số 49 Nguyễn Tất Thành, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00, vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày lễ, tết).

Nộp hồ sơ qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo Điều 15 Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công thương:

Đơn đề nghị cấp lại theo mẫu tại Phụ lục số 34.

Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu đã được cấp (nếu có).

Số lượng hồ sơ: 02 bộ, 01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại doanh nghiệp (Theo Điều 15 Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014)

d) Thời gian giải quyết: Theo Khoản 5, Điều 18 Nghị định số 94/2012/NĐ-CP của Chính phủ

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh - gọi chung là Phòng Công Thương)

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

g) Phí:

Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:

Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hóa hạn chế kinh doanh là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.

Theo quy định tại Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

h) Tên mẫu đơn: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Theo mẫu tại Phụ lục 34 của Thông tư số 60/2014/TT-BCT)

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Được quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh rượu:

Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

Trực thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu;

Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

Có bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

Phù hợp với quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế công bố;

Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định và Nghị định 94/2010/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh rượu, quy định về số lượng Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu dựa trên dân số của huyện được Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng trên địa bàn huyện công bố trước ngày 31 tháng 12 hàng năm và được cấp phép theo thứ tự ưu tiên cho các thương nhân xin cấp lại giấy phép do hết hạn nếu bảo đảm điều kiện theo quy định và không vi phạm pháp luật.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Thương mại Số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Nghị định 94/2010/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh rượu;

Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh rượu.

Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính, về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Phụ lục 34

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY PHÉP KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU

*(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần,
bị rách, nát hoặc bị cháy)*

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do....⁽¹⁾ cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Doanh nghiệp đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép kinh doanh⁽²⁾ sản phẩm rượu, với lý do⁽³⁾

.....(ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương hoặc Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi doanh nghiệp dự kiến xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾: Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

⁽³⁾: Ghi rõ lý do xin cấp lại.

3. Cấp lại giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do hết thời hạn hiệu lực:

a) Trình tự thực hiện:

Thương nhân chuẩn bị và nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định (Bản sao có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công văn hành chính; bản sao chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp).

Bước 2: Nộp hồ sơ:

Trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Công chức lập và giao biên nhận hồ sơ và ngày trả kết quả, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bằng phiếu hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công chức tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ xử lý theo quy định. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận, bộ phận chuyên môn kiểm tra và yêu cầu bổ sung.

Bước 3: Đến ngày nhận kết quả được ghi trên giấy hẹn, thương nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc gửi kết quả theo đường bưu điện.

Thời gian tiếp nhận và trả hồ sơ buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00, vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày lễ, tết).

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00, vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày lễ, tết).

Nộp hồ sơ qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo Điều 12 và Khoản 1 điều 15 Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công thương:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu theo mẫu tại Phụ lục 31 kèm theo Thông tư này.

Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế.

Bản cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình.

Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu (trong đó ghi rõ loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh).

Bản sao Giấy chứng nhận công bố hợp quy hoặc Giấy chứng nhận tiêu chuẩn các loại sản phẩm rượu của thương nhân dự kiến kinh doanh.

Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

Số lượng hồ sơ: Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu lập 02 (hai) bộ hồ sơ, 01 (một) bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 (một) bộ lưu tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh. (Theo Điều 12 Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014)

d) Thời gian giải quyết: Theo Khoản 5, Điều 18 Nghị định số 94/2012/NĐ-CP của Chính phủ

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh - gọi chung là Phòng Công Thương)

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

g) Mức thu phí:

Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:

Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hóa hạn chế kinh doanh là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.

Theo quy định tại Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

h) Tên mẫu đơn: Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Theo mẫu tại Phụ lục 31 của Thông tư số 60/2014/TT-BCT)

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Được quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh rượu và khoản 1 điều 15 Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014:

Tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày;

Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

Trực thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu;

Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

Có bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

Phù hợp với quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế công bố;

Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định và Nghị định 94/2010/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh rượu, quy định về số lượng Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu dựa trên dân số của huyện được Phòng Công Thương hoặc phòng Kinh tế hạ tầng trên địa bàn huyện công bố trước ngày 31 tháng 12 hàng năm và được cấp phép theo thứ tự ưu tiên cho các thương nhân xin cấp lại giấy phép do hết hạn nếu bảo đảm điều kiện theo quy định và không vi phạm pháp luật.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Thương mại Số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Nghị định 94/2010/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh rượu;

Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh rượu.

Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính, về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Phụ lục 31

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/ 2014 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi: Phòng⁽¹⁾
Tên thương nhân:.....
Địa chỉ trụ sở chính:;
Điện thoại:..... Fax:.....;
Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Phòng⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu, cụ thể như sau:

2. Được phép mua:

c) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽²⁾ của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:

.....⁽³⁾

d) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽²⁾ của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:

.....⁽³⁾

2. Được phép bán:

Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại địa điểm:

.....⁽⁴⁾

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽³⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu.

⁽⁴⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

4. Cấp sửa đổi bổ sung giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu:

a) Trình tự thực hiện:

Thương nhân chuẩn bị và nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định (Bản sao có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công văn hành chính; bản sao chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp).

Bước 2: Nộp hồ sơ:

Trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Công chức lập và giao biên nhận hồ sơ và ngày trả kết quả, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bằng phiếu hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công chức tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ xử lý theo quy định. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận, bộ phận chuyên môn kiểm tra và yêu cầu bổ sung.

Bước 3: Đến ngày nhận kết quả được ghi trên giấy hẹn, thương nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc gửi kết quả theo đường bưu điện.

Thời gian tiếp nhận và trả hồ sơ buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00, vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày lễ, tết).

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00, vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày lễ, tết).

Nộp hồ sơ qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo Điều 14 Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công thương:

Đơn đề nghị cấp lại theo mẫu tại Phụ lục số 33

Bản sao Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu đã được cấp (nếu có).

Số lượng hồ sơ: 02 bộ, 01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 bộ lưu tại doanh nghiệp (Theo Điều 15 Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014) Thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu lập 02 (hai) bộ hồ sơ, 01 (một) bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 (một) bộ lưu tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

d) Thời gian giải quyết: Theo Khoản 3, Điều 18 Thông tư số 60/2012/TT-BCT của Bộ Công Thương

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh - gọi chung là Phòng Công Thương)

f) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

g) Phí:

Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:

Mức thu phí thẩm định kinh doanh hàng hóa hạn chế kinh doanh là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.

Theo quy định tại Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính.

h) Tên mẫu đơn: Đơn đề nghị cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (Theo mẫu tại Phụ lục 33 của Thông tư số 60/2014/TT-BCT)

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Được quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh rượu:

Thương nhân có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán lẻ đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu;

Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị theo quy định;

Trực thuộc hệ thống phân phối của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu; có hợp đồng và văn bản giới thiệu của thương nhân bán buôn sản phẩm rượu;

Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê kho hàng phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian lưu kho;

Có bản cam kết của thương nhân về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

Phù hợp với quy hoạch hệ thống kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu do Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế công bố;

Phù hợp với quy định tại Điều 18 Nghị định 94/2010/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh rượu, quy định về số lượng Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu dựa trên dân số của huyện được Phòng Công Thương hoặc phòng Kinh tế hạ tầng trên địa bàn huyện công bố trước ngày 31 tháng 12 hàng năm và được cấp phép theo thứ tự ưu tiên cho các thương nhân xin cấp lại giấy phép do hết hạn nếu bảo đảm điều kiện theo quy định và không vi phạm pháp luật.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Thương mại Số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Nghị định 94/2010/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh rượu;

Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh rượu.

Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính, về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.

Phụ lục 33

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên doanh nghiệp :

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số:..... do..... cấp lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....⁽²⁾ sản phẩm rượu số.....ngày..... tháng.....năm.....do.....⁽¹⁾ cấp (nếu có).

Doanh nghiệp đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh⁽²⁾ sản phẩm rượu, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

1. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức⁽²⁾.... sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽³⁾.... của⁽⁴⁾.... sản phẩm rượu có tên sau:⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức⁽²⁾.... sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố⁽⁶⁾.....

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽³⁾.... của⁽⁴⁾.... sản phẩm rượu có tên sau:⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức⁽²⁾.... sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố⁽⁶⁾.....

3. Sửa đổi, bổ sung địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....; Thông tin mới:.....⁽⁷⁾.....

b) Đề nghị bổ sung:⁽⁷⁾.....

.....(ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ tên Bộ Công Thương hoặc Sở Công Thương hoặc Phòng Công Thương hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng nơi doanh nghiệp dự kiến xin phép để kinh doanh.

⁽²⁾ Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾: Ghi rõ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu khác hoặc doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm rượu trực tiếp từ thương nhân nước ngoài hoặc của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu.

⁽⁵⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

⁽⁶⁾: Ghi rõ tên của từng tỉnh, thành phố.

⁽⁷⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép bổ sung để bán lẻ sản phẩm rượu.

5. Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện;

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp.

Bước 3: Phòng Công Thương huyện thẩm định hồ sơ.

Bước 4: Văn bản thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả: Các ngày trong tuần, từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ ngày nghỉ Lễ theo quy định). Buổi sáng: Từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 00 phút. Buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.

b. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ

Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

Bản sao Giấy tiếp nhận công bố hợp quy, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

Bản liệt kê tên hàng hóa sản phẩm rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa sản phẩm rượu mà tổ chức, cá nhân dự kiến sản xuất

Số lượng hồ sơ: 02 (hai) bộ, 01 (một) bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 (một) bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép

(Quy định tại Khoản 2, Điều 6 Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014)

d. Thời gian giải quyết:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

(Quy định tại Khoản 3, Điều 11 Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012)

đ. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

e. Cơ quan thực hiện TTHC: UBND Huyện

f. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

g. Tên mẫu đơn: Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh *(Mẫu tại Phụ lục 10 của Thông tư số 60/2014/TT-BCT)*.

h. Lệ phí: *(Quy định tại Mục 2, Biểu mức thu phí, lệ phí Ban hành kèm theo Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính)*

Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp mới Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: là 1.100.000 đồng/cơ sở/lần.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công;

b) Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, chất lượng, an toàn thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của pháp luật hiện hành.

(Quy định tại Khoản 1, Điều 11 Nghị định 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012)

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Thương mại Số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Nghị định 94/2010/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh rượu;

Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh rượu.

Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

k. Mẫu đơn đề nghị cấp phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
Phụ lục 10

*(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014
của Bộ Công Thương)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH

Kính gửi: Phòng UBND Quận (Huyện).... Tỉnh (Thành phố)...(1)

.....(2)

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Phòng(1) xem xét cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công các loại:.....(3)

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu.....(4)

Xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của

Đơn vị, chủ thể sản xuất

(ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép (Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương).

(2): Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

6. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh do hết thời hạn hiệu lực

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện;

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp.

Bước 3: Phòng Công Thương huyện thẩm định hồ sơ.

Bước 4: Văn bản thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả: Các ngày trong tuần, từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ ngày nghỉ Lễ theo quy định). Buổi sáng: Từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 00 phút. Buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.

b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại được quy định tại Khoản 1, Điều 15 Thông tư 60/2014/TT-BCT áp dụng như quy định với trường hợp cấp mới theo Khoản 2 Điều 6, Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 quy định:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo (mẫu tại Phụ lục 10 của Thông tư số 60/2014/TT-BCT);

Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

Bản sao Giấy tiếp nhận công bố hợp quy, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

Bản liệt kê tên hàng hóa sản phẩm rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa sản phẩm rượu mà tổ chức, cá nhân dự kiến sản xuất

Số lượng hồ sơ: 02 bộ, 01 bộ gửi Sở Công Thương, 01 bộ lưu tại doanh nghiệp. (Theo Điều 6 Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương)

d. Thời gian giải quyết: Theo Khoản 3, Điều 15, Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

đ. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

e. Cơ quan thực hiện TTHC: UBND Huyện

f. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (cấp lại lần thứ..., do hết thời hạn hiệu lực)

g. Tên mẫu đơn: Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Theo mẫu tại Phụ lục 10 của Thông tư số 60/2014/TT-BCT)

h. Lệ phí: (Quy định tại Mục 2, Biểu mức thu phí, lệ phí Ban hành kèm theo Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính)

Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: là 1.100.000 đồng/cơ sở/lần.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: (Quy định tại Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014)

Điều kiện về chủ thể: là doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh ngành nghề sản xuất rượu thủ công;

Điều kiện về thời hạn nộp hồ sơ: trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày.

k. Căn cứ pháp lý:

Luật Thương mại Số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Nghị định 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu.

Thông tư 229/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

n. Mẫu Đơn đề nghị Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp do hết thời hạn hiệu lực

Phụ lục 10

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH

Kính gửi: Phòng UBND Quận (Huyện)... Tỉnh (Thành phố)...(1)

.....(2)

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Phòng(1) xem xét cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công các loại:.....(3)

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu.....(4)

Xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ- CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của Đơn

vị, chủ thể sản xuất

(ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép (Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương).

(2): Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

7. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ, hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện;

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp.

Bước 3: Phòng Công Thương huyện thẩm định hồ sơ.

Bước 4: Văn bản thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả: Các ngày trong tuần, từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ ngày nghỉ Lễ theo quy định). Buổi sáng: Từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 00 phút. Buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.

b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính.

c) Thành phần hồ sơ: Theo Khoản 2, Điều 15, Thông tư số 60/2014/TT-BCT quy định:

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo mẫu tại Phụ lục 12 của Thông tư số 60/2014/TT-BCT);

Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh đã được cấp (nếu có);

Thời hạn của giấy phép sẽ được giữ nguyên như giấy phép cũ (đối với trường hợp cấp lại do hỏng, mất)

Số lượng hồ sơ: 02 (hai) bộ, 01 (một) bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 (một) bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép

d) Thời gian giải quyết: Theo Khoản 3, Điều 15, Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện TTHC : UBND Huyện

f. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (cấp lại lần thứ...,do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ, hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy).

g. Tên mẫu đơn: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh được quy định theo Phụ lục 12 Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương)

h Lệ phí: (Quy định tại Mục 2, Biểu mức thu phí, lệ phí Ban hành kèm theo Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính)

Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: là 1.100.000 đồng/cơ sở/lần.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Điều kiện về chủ thể: là tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

k) Căn cứ pháp lý:

Luật Thương mại Số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Nghị định 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu;

Thông tư 229/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

Phụ lục 12

*(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014
của Bộ Công Thương)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH

Kính gửi: Phòng ... UBND Quận (Huyện)... Tỉnh (Thành phố)...(1)

.....(2)

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số.....do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh số.....ngày..... tháng.....năm.....do....(1) cấp (nếu có).

Đơn vị sản xuất đề nghị(1) xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, với lý do cụ thể như sau(5)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Phòng(1) xem xét cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công các loại:.....(3)

Quy mô sản xuất.....(4)

Xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của Đơn
vị, chủ thể sản xuất**
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1) :Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép (Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương).

(2): Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).

(5): Lý do phải cấp lại Giấy phép.

8. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện;

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện xem xét hồ sơ và đề nghị bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp pháp.

Bước 3: Phòng Công Thương huyện thẩm định hồ sơ.

Bước 4: Văn bản thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả: Các ngày trong tuần, từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ ngày nghỉ Lễ theo quy định). Buổi sáng: Từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 00 phút. Buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút.

b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ (Quy định tại khoản 2, Điều 14, Thông tư 60/2014/TT-BCT)

Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (theo mẫu tại Phụ lục 11 kèm theo Thông tư 60/2014/TT-BCT);

Bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh;

Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

Số lượng hồ sơ: 02 (hai), 01 (một) bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp phép, 01 (một) bộ lưu tại trụ sở tổ chức, cá nhân xin cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép (Quy định tại khoản 1, Điều 14, Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014).

d) Thời gian giải quyết: Theo Khoản 3, Điều 14, Thông tư 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 quy định:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện TTHC : UBND Huyện

f. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ...).

g. Tên mẫu đơn: Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Theo mẫu tại Phụ lục 11 của Thông tư số 60/2014/TT-BCT)

h. Lệ phí: (Quy định tại Mục 2, Biểu mức thu phí, lệ phí Ban hành kèm theo Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính)

Phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh: là 1.100.000 đồng/cơ sở/lần.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Điều kiện về chủ thể: là tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép (cấp mới), cấp sửa đổi bổ sung hoặc cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Thương mại Số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Nghị định 94/2010/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh rượu;

Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công thương Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12/11/2012 của Chính phủ về sản xuất kinh doanh rượu.

Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính, về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động, lệ phí cấp giấy phép sản xuất rượu, thuốc lá.

n. Mẫu đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

Phụ lục 11

(Kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
SẢN XUẤT RƯỢU THỦ CÔNG NHẢM MỤC ĐÍCH KINH DOANH**

Kính gửi: Phòng ... UBND Quận (Huyện)... Tỉnh (Thành phố)...(1)
.....(2)

Trụ sở giao dịch:.....Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đã được cấp lại (hoặc sửa đổi, bổ sung) Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh số.....ngày..... tháng.....năm.....do....(1) cấp (nếu có).

Đơn vị sản xuất đề nghị(1) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh, với lý do cụ thể như sau(5)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

Đề nghị Phòng(1) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công các loại:.....(3)

Quy mô sản xuất.....(4)

Xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ và Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP. Nếu sai xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

**Người đại diện theo pháp luật của Đơn
vị, chủ thể sản xuất**
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Công Thương.
- (2): Tên tổ chức, cá nhân xin giấy phép.
- (3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (4): Ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm (lít/năm). Đối với làng nghề, ghi sản lượng rượu dự kiến sản xuất/năm của làng nghề (lít/năm).
- (5): Lý do phải cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép.

9. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ:

a.) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị và nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định. (Bản sao có xác nhận của cơ sở đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công văn hành chính; Bản sao có xác nhận của cơ sở hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp).

Bước 2: Trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Công chức lập và giao biên nhận hồ sơ và ngày trả kết quả, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bằng phiếu hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công chức tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ xử lý theo quy định. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận, bộ phận chuyên môn kiểm tra và yêu cầu bổ sung.

Bước 3: Đến ngày nhận kết quả được ghi trên giấy hẹn nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc gửi kết quả theo đường bưu điện.

Thời gian tiếp nhận và trả hồ sơ buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00, vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày lễ, tết).

b. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Nộp hồ sơ qua đường bưu điện.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ (quy định tại khoản 1, Điều 10, Thông tư 57/2015/TT-BCT)

Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở);

Bản thuyết minh về cơ sở vật chất (Sơ đồ mặt bằng đính kèm);

Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở)

Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở)

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Sau 22 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (quy định tại Điều 5, Thông tư 58/2014/TT-BCT)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng (cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất.

g) Phí: 3.000.000 đồng/lần/cơ sở (theo quy định tại Thông tư số 279/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm).

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: (theo Mẫu 1, Mẫu 2 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 57/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cấp, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các đối tượng được phân cấp quản lý theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 2, Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 23/2/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (trừ những cơ sở sản xuất, kinh doanh có yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt theo quy định).

Được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm do Sở Công Thương hoặc các tổ chức chứng nhận được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định cấp.

Được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận đủ sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế, người đang mắc các bệnh hoặc chứng bệnh thuộc danh mục các bệnh hoặc chứng bệnh truyền nhiễm đã được Bộ Y tế quy định thì không được tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH 12 ngày 17/6/2010;

Nghị định 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của các Bộ: Y tế, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Thông tư 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định về việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

Thông tư 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương quy định điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

Thông tư 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 23/2/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk

Cơ sở sản xuất:
Địa chỉ tại:
Điện thoại: Fax:
Giấy phép kinh doanh số: ngày cấp: đơn vị cấp:
Ngành nghề sản xuất (*tên sản phẩm*):
Công suất thiết kế:
Doanh thu dự kiến:
Số lượng công nhân viên: (trực tiếp:; gián tiếp
.....)

(bao gồm cả chủ cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ).

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.....

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- Giấy chứng nhận ĐKKD;
- Bản sao Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực;
- Bản sao Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm;
- Bản tự đánh giá điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM
ĐỂ SẢN XUẤT THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất:
- Chủ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Điện thoại Fax
- Mặt hàng sản xuất:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuất:.....m² , trong đó diện tích nhà xưởng sản xuất m²

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị (ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)	Số lượng	Năm sản xuất	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ hiện có						
1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất						
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
4	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
5	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu						
6	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
7	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
8	Trang, thiết bị khác để sản xuất (nếu có)						
8.1							
...							

8.?							
-----	--	--	--	--	--	--	--

II.3. Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất

1. Tổng số người trực tiếp sản xuất tại cơ sở (bao gồm cả chủ cơ sở):.....người;
2. Số người có Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm còn hạn:..... người;
3. Tổng số người đã được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp:.....người;
4. Số người chưa được cấp:
 - Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:người
 - Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm:người

III. CƠ SỞ TỰ ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Thông tư 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Cam kết của cơ sở:

Tôi cam đoan các thông tin nêu Bản tự đánh giá về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và con người là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đánh giá trên./.

ĐẮk LẮk, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

10. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị và nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định. (Bản sao có xác nhận của cơ sở đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công văn hành chính; Bản sao có xác nhận của cơ sở hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp).

Bước 2: Trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Công chức lập và giao biên nhận hồ sơ và ngày trả kết quả, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bằng phiếu hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công chức tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ xử lý theo quy định. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận, bộ phận chuyên môn kiểm tra và yêu cầu bổ sung.

Bước 3: Đến ngày nhận kết quả được ghi trên giấy hẹn nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc gửi kết quả theo đường bưu điện.

Thời gian tiếp nhận và trả hồ sơ buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00, vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày lễ, tết).

b. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Nộp hồ sơ qua đường bưu điện.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ (quy định tại khoản 3, Điều 10, Thông tư 57/2015/TT-BCT)

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở);

Bản thuyết minh về cơ sở vật chất (Sơ đồ mặt bằng đính kèm);

Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở)

Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở)

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Sau 22 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (quy định tại Điều 5, Thông tư 58/2014/TT-BCT)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất.

g) Phí: 3.000.000 đồng/lần/cơ sở (theo quy định tại Thông tư số 279/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm).

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: (theo Mẫu 2, Mẫu 3 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 57/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cấp, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các đối tượng được phân cấp quản lý theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 2, Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 23/2/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. (trừ những cơ sở sản xuất, kinh doanh có yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt theo quy định).

Được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm do Sở Công Thương hoặc các tổ chức chứng nhận được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định cấp.

Được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận đủ sức khoẻ theo quy định của Bộ Y tế, người đang mắc các bệnh hoặc chứng bệnh thuộc danh mục các bệnh hoặc chứng bệnh truyền nhiễm đã được Bộ Y tế quy định thì không được tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH 12 ngày 17/6/2010;

Nghị định 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của các Bộ: Y tế, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Thông tư 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định về việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

Thông tư 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương quy định điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

Thông tư 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 23/2/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Tên cơ sở sản xuất:.....

Chủ cơ sở sản xuất:

Địa chỉ:....(ghi địa chỉ sản xuất).....

Điện thoại.....
 Fax.....
 Mặt hàng sản xuất:.....
 Công suất, doanh thu:.....
 Đề nghị ...*(ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp)*... cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ:... *(ghi cụ thể tên sản phẩm thực phẩm xin cấp lại)*, cụ thể như sau:
 Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số:; ngày cấp:.....;
 Cơ quan cấp

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận:

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM
 ĐỂ SẢN XUẤT THỰC PHẨM**

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất:
- Chủ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Điện thoại..... Fax.....
- Mặt hàng sản xuất:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuất:.....m², trong đó diện tích nhà xưởng sản xuất m²

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị <i>(ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)</i>	Số lượng	Năm sản xuất	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ hiện có						

1	Thiết bị, dụng cụ sản xuất						
2	Thiết bị, dụng cụ bao gói sản phẩm						
3	Thiết bị bảo quản thực phẩm						
4	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ						
5	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu						
6	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại						
7	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm						
8	Trang, thiết bị khác để sản xuất (nếu có)						
8.1							
...							
8.?							

II.3. Chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất

1. Tổng số người trực tiếp sản xuất tại cơ sở (bao gồm cả chủ cơ sở):.....người;
2. Số người có Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm còn hạn:..... người;
3. Tổng số người đã được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp:.....người;
4. Số người chưa được cấp:
 - Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm:người
 - Giấy xác nhận đủ sức khỏe để sản xuất thực phẩm:người

III. CƠ SỞ TỰ ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo Thông tư 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Cam kết của cơ sở:

Tôi cam đoan các thông tin nêu Bản tự đánh giá về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và con người là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đánh giá trên./.

Đắk Lắk, ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

11. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng:

a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị và nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định. (Bản sao có xác nhận của cơ sở đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công văn hành chính; Bản sao có xác nhận của cơ sở hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp).

- Bước 2: Trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Công chức lập và giao biên nhận hồ sơ và ngày trả kết quả, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bằng phiếu hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công chức tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ xử lý theo quy định. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận, bộ phận chuyên môn kiểm tra và yêu cầu bổ sung.

- Bước 3: Đến ngày nhận kết quả được ghi trên giấy hẹn nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc gửi kết quả theo đường bưu điện.

Thời gian tiếp nhận và trả hồ sơ buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00, vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày lễ, tết).

b. Cách thức thực hiện

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Nộp hồ sơ qua đường bưu điện.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ (quy định tại khoản 2, Điều 10, Thông tư 57/2015/TT-BCT)

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Sau 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (quy định tại khoản 2, điều 5, Thông tư 58/2014/TT-BCT)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất.

g) Phí: Không

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: (theo Mẫu 3 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 57/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cấp, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các đối tượng được phân cấp quản lý theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 2, Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 23/2/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. (trừ những cơ sở sản xuất, kinh doanh có yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt theo quy định).

Được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm do Sở Công Thương hoặc các tổ chức chứng nhận được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định cấp.

Được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận đủ sức khoẻ theo quy định của Bộ Y tế, người đang mắc các bệnh hoặc chứng bệnh thuộc danh mục các bệnh hoặc chứng bệnh truyền nhiễm đã được Bộ Y tế quy định thì không được tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH 12 ngày 17/6/2010;

Nghị định 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của các Bộ: Y tế, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Thông tư 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định về việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

Thông tư 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương quy định điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

Thông tư 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 23/2/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Tên cơ sở sản xuất:.....

Chủ cơ sở sản xuất:

Địa chỉ:....(ghi địa chỉ sản xuất).....

Điện thoại.....

Fax.....

Mặt hàng sản xuất:.....

Công suất, doanh thu:.....

Đề nghị ... (ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp)... cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ:... (ghi cụ thể tên sản phẩm thực phẩm xin cấp lại), cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số:; ngày cấp:.....;

Cơ quan cấp

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận:

.....

.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

12. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất:

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị và nộp đầy đủ hồ sơ theo quy định. (Bản sao có xác nhận của cơ sở đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công văn hành chính; Bản sao có xác nhận của cơ sở hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp).

Bước 2: Trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Công chức lập và giao biên nhận hồ sơ và ngày trả kết quả, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp bằng phiếu hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện, công chức tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ xử lý theo quy định. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận, bộ phận chuyên môn kiểm tra và yêu cầu bổ sung.

Bước 3: Đến ngày nhận kết quả được ghi trên giấy hẹn nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc gửi kết quả theo đường bưu điện.

Thời gian tiếp nhận và trả hồ sơ buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00, vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày lễ, tết).

b. Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Nộp hồ sơ qua đường bưu điện.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ (quy định tại khoản 4, Điều 10, Thông tư 57/2015/TT-BCT)

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất.

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở).

Văn bản, tài liệu chứng minh sự thay đổi (bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Sau 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (quy định tại khoản 2, điều 5, Thông tư 58/2014/TT-BCT)

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất.

g) Phí: Không

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: (theo Mẫu 3 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 57/2015/TT-BCT của Bộ Công Thương).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức cấp, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các đối tượng được phân cấp quản lý theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 2, Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 23/2/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. (trừ những cơ sở sản xuất, kinh doanh có yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt theo quy định).

Được cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm do Sở Công Thương hoặc các tổ chức chứng nhận được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định cấp.

Được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận đủ sức khoẻ theo quy định của Bộ Y tế, người đang mắc các bệnh hoặc chứng bệnh thuộc danh mục các bệnh hoặc chứng bệnh truyền nhiễm đã được Bộ Y tế quy định thì không được tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH 12 ngày 17/6/2010;

Nghị định 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của các Bộ: Y tế, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Thông tư 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định về việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;

Thông tư 57/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ Công Thương quy định điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

Thông tư 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 23/2/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Tên cơ sở sản xuất:.....

Chủ cơ sở sản xuất:
Địa chỉ:...(ghi địa chỉ sản xuất).....
Điện thoại.....
Fax.....
Mặt hàng sản xuất:.....
Công suất, doanh thu:.....
Đề nghị...(ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp)... cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ:...(ghi cụ thể tên sản phẩm thực phẩm xin cấp lại), cụ thể như sau:
Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số:; ngày cấp:.....;
Cơ quan cấp
Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận:
.....
.....
Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Ký, ghi rõ họ, tên; đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: Đóng dấu áp dụng đối với cơ sở có dấu theo quy định

C. Lĩnh vực Khuyến công

1. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật

Bước 2: Nộp hồ sơ trực tiếp Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Công chức tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ.

Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, chấm điểm bình chọn các sản phẩm đáp ứng đủ điều kiện theo quy định để cấp Giấy chứng nhận.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả: Các ngày trong tuần, từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ ngày nghỉ Lễ theo quy định). Buổi sáng: Từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 00 phút. Buổi chiều: Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút.

Bước 3: Trả kết quả tại Bộ phận một cửa theo các bước sau:

Nộp giấy biên nhận;

Nhận kết quả

b) Cách thức thực hiện

Nộp trực tiếp đến bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Thành phần hồ sơ: Tại Chương III, Điều 12 Thông tư 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương quy định:

Hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện bao gồm:

Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (Mẫu số 01);

Phiếu thuyết minh về sản phẩm đăng ký bình chọn (Mẫu số 02);

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn (có ngành nghề kinh doanh liên quan đến sản phẩm đăng ký bình chọn);

03 ảnh của sản phẩm, kích thước (10x15)cm (chụp 3 góc độ, chính diện, mặt bên, từ trên xuống);

Các chứng nhận, chứng chỉ khác (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014. (Chứng chỉ, chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm; giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm; giấy khen; bằng khen cho sản phẩm)

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời gian giải quyết: Tại Chương IV, Điều 15 Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương quy định:

Địa điểm và thời gian tiếp nhận hồ sơ, sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Hội đồng bình chọn các cấp

đ) Đối tượng thực hiện : Cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

Phòng Kinh tế hoặc phòng Kinh tế - hạ tầng cấp huyện (Hội đồng bình chọn cấp huyện).

f) Kết quả thực hiện TTHC: Tại Điều 17, Chương IV, Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương

Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện.

g) Lệ phí : Không

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phụ lục số 01, số 02 Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương

Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (Phụ lục số 01). - Thuyết minh sản phẩm đăng ký bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu phụ lục số

i) Yêu cầu điều kiện TTHC: Tại Điều 4,5,7 Chương I, Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương quy định:

Sản phẩm tham gia bình chọn là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm);

Sản phẩm tham gia bình chọn là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn;

Sản phẩm tham gia bình chọn không phải là sản phẩm sao chép; việc sản xuất sản phẩm không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, vệ sinh an toàn lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường;

Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường;

Việc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản sau:

Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất;

Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường;

Tiêu chí về tính văn hóa và thẩm mỹ;

k) Căn cứ pháp lý

Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Thông tư số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn về trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và các quy định cụ thể khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có).